

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-PT
Ngày 18 – 12 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rên
Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3873/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh 1996; (có mặt)

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (về phần con chung): Chị Đặng Huỳnh N1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1993; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Thị Tuyết N và đại diện theo ủy quyền về phần tài sản chung trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Hoàng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Bà N đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và hiện đã sống ly thân từ hơn 05 năm nay. Do không còn tình cảm với ông V nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V, bà N không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Hiện tại, bà N ở nhà chăn nuôi bò, tôm, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Bà N yêu cầu nuôi Nguyễn Lê Tấn L, sinh ngày 18/3/2018, yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản làm việc, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu vắng mặt, tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng V và đại diện theo ủy quyền về phần tài sản chung của ông V trình bày:

Ông V thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời kỳ hôn nhân thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên do bà N cương quyết yêu cầu ly hôn nên ông V đồng ý ly hôn với bà N, ông V không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Hiện thu nhập của ông V trung bình từ 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng mỗi tháng.

Về con chung: Ông V đồng ý để bà N nuôi Nguyễn Lê Tấn L, sinh ngày 18/3/2018, ông V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bà N. Tại phiên tòa bà N rút yêu cầu khởi kiện thì không có ý kiến.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, ông V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Sau khi không hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2023/HN-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú quyết định:

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Hoàng V. Bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng V không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Lê Tấn L, sinh ngày 18/3/2018. Ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ông Nguyễn Hoàng V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Lê Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Hoàng V.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, ông V yêu cầu giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Không đồng ý kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V là phù hợp.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà N và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2016 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, các bên cũng không có biện pháp gì thể hiện muốn hàn gắn tình cảm. Ông V cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Giữa bà N và ông V đã không còn tình cảm với nhau, việc hàn gắn giữa hai bên không có kết quả. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phần hôn nhân, tài sản chung, nợ chung các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đã có hiệu lực phát luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung là cháu Nguyễn Lê Tấn L, sinh ngày 18/3/2018 cho bà Lê Thị Tuyết N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Ông V kháng cáo yêu cầu giảm mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu cần thiết của người được cấp dưỡng theo mức sống trung bình tại địa phương. Theo biên bản làm việc ngày 28/6/2023 và biên bản hòa giải ngày 29/6/2023 ông V thừa nhận có công việc ổn định và thu nhập trung bình từ 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng mỗi tháng. Ông V kháng cáo cho rằng tại thời điểm làm việc ngày 28/6/2023 thì ông phải làm tăng ca đêm mới có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng. Hiện tại, do kinh tế khó khăn nên ông không được tăng ca nên thu nhập hằng tháng chỉ khoảng 10.000.000 đến 11.000.000 đồng mỗi tháng nên ông chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ông bị giảm thu nhập hằng tháng nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng mà cấp sơ thẩm đã tuyên chỉ đáp ứng được điều kiện cơ bản cho cháu L. Vì vậy, để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như đảm bảo về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu L nên giữ nguyên mức cấp dưỡng theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng V là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông V; Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng V;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Hoàng V. Bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng V không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Lê Tấn L, sinh ngày 18/3/2018. Ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ông Nguyễn Hoàng V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Lê Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Hoàng V.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết N phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006872 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thị Tuyết N đã nộp xong án phí.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Tuyết N số tiền tạm ứng án phí là 614.500 (Sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006871 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

5.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007026 ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú
- UBND xã An Điền, huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt